

Bản án số: 212/2017/HSST
Ngày 31-10-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 171/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2017/HSST-QĐXX ngày 16 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Võ Thị Ngọc T (Tên gọi khác: B), sinh năm: 1970, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 86 đường C, Phường T, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký tạm trú: 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Võ Ngọc N và bà Trần Thị Y; có chồng là Nguyễn Thanh P và 01 con sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang trú tại số 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

2. Bùi Thị Cẩm H, sinh năm: 1963, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi T và bà Trần Thị S; có chồng là Trương T và 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang trú tại số 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

3. Bùi Xuân N, sinh năm: 1960, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; con ông Bùi T và bà Trần Thị S; có vợ là Phùng Thị H và 01 con sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú,

hiện đang trú tại số 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18giờ00phút ngày 20-4-2017, tại nhà số 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp.Vũng Tàu bắt quả tang bị cáo Võ Thị Ngọc T và bị cáo Bùi Thị Cẩm H đang đánh bạc dưới hình thức ghi số đề được thua bằng tiền, tang vật thu giữ gồm: 01 cuốn cùi đề, 02 bút bi, 01 máy tính điện tử và 01 điện thoại di động. Cụ thể: Khoảng 17giờ40phút ngày 20-4-2017, bị cáo Bùi Thị Cẩm H đến chỗ bị cáo Võ Thị Ngọc T ghi số đề các con số gồm: “Bao lô” 5.000đồng số 88, tổng số tiền là 115.000đồng; “Đá” 10.000đồng số 87, 08, 07, tổng số tiền là 30.000đồng; “Bao lô” 5.000đồng và “Đầu đuôi” 10.000đồng, tổng số tiền là 155.000đồng; “Bao lô” số 31 giá 5.000đồng và “Đầu đuôi” giá 10.000đồng số 13, tổng số tiền là 155.000đồng; “Bao lô” 5.000đồng và “Đầu đuôi” 10.000đồng số 47, tổng số tiền là 155.000đồng; “Bao lô” 25.000đồng và “Đầu đuôi” 25.000đồng số 31, tổng số tiền là 675.000 đồng; “Bao lô” 25.000đồng và “Đầu đuôi” 25.000đồng số 31, tổng số tiền là 675.000đồng; “Bao lô” 200.000đồng số 31, tổng số tiền 4.600.000đồng; “Xiên” 50.000đồng số 13 và số 31, tổng số tiền 50.000đồng. Tổng số tiền bị cáo H mua số đề của bị cáo Tuyến là 6.610.000đồng. Trong số tiền này, bị cáo H khai ghi dùm cho bị cáo Bùi Xuân N các con số với tổng số tiền là 6.000.000đồng, còn bị cáo H chỉ ghi số tiền 610.000đồng, tuy nhiên do quen biết nên giữa bị cáo H và bị cáo T thỏa thuận sẽ đưa tiền sau. Ngoài ra, bị cáo Tuyến còn ghi đề qua tin nhắn điện thoại cho một người phụ nữ tên Hương (Không rõ lai lịch) số 63 đầu 100.000đồng và đuôi 25.000đồng.

Bị cáo Bùi Xuân N cũng khai nhận: Chiều ngày 20-4-2017, bị cáo N nhờ bị cáo H ghi dùm số đề các con số với tổng số tiền là 6.000.000đồng.

Bị cáo Võ Thị Ngọc T khai: Bị cáo đã ghi đề tại nhà số 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khoảng 03 tháng trước khi bị bắt quả tang, nhưng không ghi thường xuyên. Bị cáo ghi số đề tại nhà rồi giao phoi đề và tiền ghi được cho một người phụ nữ (không rõ lai lịch) là chủ đề để hưởng hoa hồng, khoảng tầm buổi trưa chủ đề sẽ cho một người thanh niên đến nhà bị cáo Tuyến để lấy phoi đề và tiền rồi đưa tiền hoa hồng trên số tiền ghi được.

Bị cáo Bùi Thị Cẩm H và bị cáo Bùi Xuân N đã nộp lại số tiền 6.610.000đồng tham gia đánh bạc cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 20-8-2017, Viện Kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu đã truy tố các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ Luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Các bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N về tội “Đánh bạc”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 Điều 30 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng và xử phạt hình phạt bổ sung từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng; áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Thị Cẩm H và bị cáo Bùi Xuân N, mỗi bị cáo từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.610.000đồng, 01 ĐTDĐ và 01 máy tính điện tử; tịch thu tiêu hủy 02 bút bi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 18giờ00phút ngày 20-4-2017, tại nhà số 16/1 đường T, phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bị cáo Võ Thị Ngọc T đang ghi các con số đề: 88, 87, 08, 07, 13, 31 và 47, hình thức “bao lô, đầu, đuôi, đá, xiên...” với tổng số tiền 6.610.000đồng cho bị cáo Bùi Thị Cẩm H thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu bắt quả tang, tang vật thu giữ gồm: 01 cuốn cùì đề, 02 bút bi, 01 máy tính điện tử và 01 điện thoại di động. Trong số tiền 6.610.000đồng mà bị cáo H đã ghi đề thì bị cáo Bùi Xuân N nhờ bị cáo H ghi dùm các con số với số tiền 6.000.000đồng. Ngoài ra, bị cáo Tuyên còn ghi đề qua tin nhắn điện thoại cho người phụ nữ tên Hương (Chưa rõ lai lịch) với số tiền là 125.000đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo T đã ghi số đề cho bị cáo H, bị cáo N và Hương là 6.735.000 đồng; số tiền bị cáo H đã ghi số đề là 6.610.000đồng; số tiền bị cáo Nhân ghi số đề là 6.000.000đồng. Hành vi các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân

N đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi của các bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội ; các bị cáo đã thực hiện hành vi mà pháp luật cấm thực hiện, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về tính chất đồng phạm và hình phạt:

Các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó: Bị cáo T là người trực tiếp ghi đề trong thời gian dài nhưng không có cơ sở để xác định bị cáo phạm tội nhiều lần; bị cáo H là người trực tiếp đi ghi đề, nhưng phần lớn số tiền ghi đề là ghi dùm cho bị cáo N. Vì vậy, trong vụ án này vai trò của bị cáo T là lớn hơn bị cáo H và bị cáo N, vai trò của bị cáo H và bị cáo N là như nhau.

Các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng pháp luật; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có khả năng tự cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi gia đình và xã hội, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo T được hưởng án treo và áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều 248 và Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo T; áp dụng quy định tại Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt tiền bị cáo H và bị cáo N cũng đủ tính răn đe, giáo dục các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.610.000đồng, 01 máy tính điện tử và 01 điện thoại di động vì có liên quan trực tiếp đến vụ án.

- Tịch thu tiêu huỷ 02 bút bi vì có liên quan trực tiếp đến vụ án, nhưng không còn giá trị sử dụng.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Ngọc T 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 31 tháng 10 năm 2017)

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, Tp.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 và Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Cẩm H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân N số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.610.000đồng, 01 máy tính điện tử hiệu Casio AX 1205 và 01 điện thoại di động hiệu Sam sung.

- Tịch thu tiêu huỷ 02 bút bi màu đỏ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 177/BB.THA ngày 12-9-2017 và Biên lai thu tiền số 0008328 ngày 12-9-2017.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Cẩm H và Bùi Xuân N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án t rong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kiên